TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 21/6/2023
V/v:"Chia tài sản sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Bà **Bùi Thị Dung**, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023**,** tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ về việc *"Chia tài sản sau khi ly hôn"*. Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, bị kháng cáo, giữa các đương sự.

***- Nguyên đơn*:** Anh Võ Văn C, sinh năm 1976. Địa chỉ ở Nhật Bản: Japan, Kanagawaken, Ayaseshi, Hayakawashiroyama 4-2-14 - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Hồng N. Địa chỉ: 55 đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định- Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1979. Địa chỉ: Japan, Kanagawaken, Ayaseshi, Hayakawashiroyama 4-2-14 - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hà Văn B. Địa chỉ: Tổ 2, KV2, phường N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định- xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đào Kim L - Công ty luật TNHH A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Phường Y, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hồ Văn H2, sinh năm 1990. Địa chỉ: 001/PTH ấp P, xã P1, huyện B, tỉnh Bến Tre- Xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1944. Địa chỉ: Số 56 đường N2, thành phố Q, Bình Định- Có mặt.

3. Anh Châu Ngọc H3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 09 đường H4, thành phố Q, tỉnh Bình Định- Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Diệu T1, sinh năm 1968- Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Diệu H5, sinh năm 1969- Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Diệu Ph, sinh năm 1972- Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 56 Đường N3, thành phố Q, Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị Diệu H6, sinh năm 1975. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Bình Định- Vắng mặt.

Người kháng cáo: đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hà Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị X

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12 tháng 3 năm 2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Hồng N trình bày:

Anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị Kim Ch được UBND tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/01/2000. Anh C và chị Ch đã ly hôn ngày 18/4/2017 tại Sở hành chính thành phố Ayase, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản nhưng chưa giải quyết về tài sản chung. Nên nay anh C khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm:

- Nhà đất thửa số 110, tờ bản đồ số 13, địa chỉ số 56 đường N3 thuộc tổ 42, khu vực 6, phường L1, thành phố Q diện tích 51,17m^2 đã được chỉnh lý biến động vào ngày 29/3/2013 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (GCNQSDĐ) do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278 đứng tên Nguyễn Thị Kim Ch và ngày 04/12/2015 được UBND thành phố bán thêm 9,1m^2 theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND ngày 04/12/2015, anh C, chị Ch đã nộp tiền nhưng chưa chỉnh lý biến động trên GCNQSDĐ. Nhà đất là tài sản chung vợ chồng, anh C yêu cầu được nhận nhà, đất và thanh toán lại ½ giá trị nhà, đất cho chị Ch;

- Khoản tiền mặt 960.456.050đ (*tính đến ngày 01/9/20*16) được gửi tại tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á - chi nhánh Bình Định đứng tên chị Nguyễn Thị Kim Ch. Số tiền này có được từ việc vợ chồng anh C, chị Ch về Việt Nam bán căn nhà gắn liền với thửa đất số lô B1-54 diện tích 126,5m^2 tọa lạc tại Khu quy hoạch dân cư khu vực 2-6 phường N1, thành phố Q. Anh chị bán nhà đất này bao nhiêu không rõ nhưng chi phí còn lại chị Ch nộp vào tài khoản ngân hàng chi Chi số tiền 960.456.050đ. Sau đó, chị Ch tự rút toàn bộ số tiền này anh C không hề hay biết. Trong số tiền 960.456.050đ thì 950.000.000đ là tiền bán đất. Anh C yêu cầu chị Ch thanh toán lại 475.000.000đ.

- Đối với các khoản nợ chị Ch trình bày: Anh C không biết và cũng không có chứng cứ chứng nên anh C không chịu trách nhiệm.

Tại bản tường trình ngày 12/9/2019, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ch trình bày và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh Hà Văn B trình bày:

Về nguồn gốc ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 diện tích 42,07m^2 tọa lạc tại tổ 42, khu vực 6, phường L1, thành phố Q đã được chỉnh lý biến động vào ngày 29/3/2013 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND thành phố Q cấp ngày 21/02/2012, số vào sổ cấp GCN CH00278. Đến ngày 04/12/2015 được UBND thành phố bán thêm 9,1m^2 theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND. Ngôi nhà này do chị Ch và mẹ ruột của chị là bà Lê Thị X dành dụm được 2,5 tỉ đồng. Số tiền nay chị Ch gửi nhiều lần thông qua người quen gửi về cho chị ruột của chị là Nguyễn Thị Diệu H6 cất giữ với ý định đầu tư kinh doanh nhà, đất. Tháng 8/2012, chị Nguyễn Thị Diệu H5 cũng là chị ruột của chị Ch đã tìm mua cho chị một ngôi nhà tôn địa chỉ tại 56 Đường N3, Tp Q. Tiếp theo, chị Ch và anh C có vay của anh Hồ Văn H2 số tiền 200 Man (*tương đương 450.000.000đ*) để mua thêm hẻm đất liền kề nhập chung vào nhà 56 Đường N3. Tuy nhiên, do nhà tôn lụp xụp không ở và cũng không bán được, chị Ch quyết định đầu tư xây nhà để bán kiếm lời. Ngày 18/5/2015, chị Ch ký hợp đồng với ông Châu Ngọc H3 là Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD-TM NB (*Tp Q*) trọn gói 1,8 tỉ đồng. Nguồn tiền này là do chị Ch vay của: Chị Nguyễn Thị Diệu T1 100.000.000đ, Chị Nguyễn Thị Diệu H6 100.000.000đ, Chị Vân 110.000.000đ (*ở bên Nhật*), vay ngân hàng 100.000.000đ, Anh C vay ngân hàng bên Nhật Bản 400.000.000đ, Bà Lê Thị X 566.000.000đ, tiền nợ của anh Hồ H2 174.000.000đ, mẹ anh C 200.000.000đ (*đã trả*). Anh H3 nhận 1.750.000.000đ bằng tiền mặt từ vợ chồng chị Nguyễn Thị Diệu Ph còn nợ anh H3 50.000.000đ, đến nay chưa trả. Trong giá trị nhà này anh C chỉ góp 400.000.000đ còn lại là tiền của chị Ch và gia đình chị Ch đóng góp. Nhà đất là tài sản riêng của chị Ch nên chị

Ch không đồng ý chia. Chị Ch đồng ý trả cho anh C 400.000.000đ cộng lãi nữa là 700.000.000đ.

Về số tiền 960.000.000đ gởi tại tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á – chi nhánh Bình Định đứng tên chị Nguyễn Thị Kim Ch: Tháng 6/2016, chị Ch và anh C góp 1.200.000.000đ mua nhà chợ Dinh số 54 Trần Túc Tự thuộc tổ 13, KV2, phường N1, Tp Q. Ý định mua nhà này để xây phòng trọ kinh doanh. Nhưng sau đó anh chị bán căn nhà giá 1.150.000.000đ được thể hiện trong tài khoản cá nhân của chị Ch tại tài khoản số 0109800777 ngân hàng Đông Á tỉnh Bình Định. Số tiền 1.150.000.000đ chị Ch dùng để trả nợ cho mẹ anh C 200.000.000đ (*mượn khi mua nhà 56 Đường N3*). Tiền chị bán hàng online nhập chung 40.000.000đ thành 950.000.000đ. Phần còn lại chỉ có 920.000.000đ chi tiêu chung trong gia đình bao gồm: chi tiền thuê nhà ở Nhật khi chị Ch và anh C mâu thuẫn, anh C đuổi con gái chị ra khỏi nhà, chi phí nuôi con chung. Số tiền bán nhà ở chợ Dinh, chị và anh C đã chi tiêu chung hết trong năm 2016 - 2017, không còn để chia.

- Về nợ:

Nợ anh Hồ H2 450.000.000đ để mua đất ban đầu.

Ngày 18/5/2015 chị ký hợp đồng xây dựng nhà với anh Châu Ngọc H3 trọn gói là 1.800.000.000đ. Nguồn tiền để xây nhà là mượn của anh Hồ H2 765.000.000đ; mượn của chị T1,H6, X là 566.000.000đ, chị vay ngân hàng 100.000.000đ, anh C vay của ngân hàng 400.000.000đ, vay của mẹ anh C 200.000.000đ (*chị đã trả xong*). Tổng cộng là 2.031.000.000đ. Chi thực tế trả cho anh H3 1.750.000.000đ, còn nợ anh H3 50.000.000đ, chị và anh C nợ chung của anh Hồ H2 là 765.000.000đ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết phải trả hết các khoản nợ chung sau đó mới chia tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh Hồ Văn H2 trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2015- 3/2016, anh H2 có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Kim Ch, anh Võ Văn C mượn tổng số tiền là 450 Man Nhật (*tương đương 945.000.000 đồng Việt Nam*), số tiền này anh H2 cho chị Ch, anh C mượn làm 03 lần, cụ thể: Lần 1: Vào tháng 5/2015 tại nhà của anh C, chị Ch ở Japan, Kanagawaken, Ayaseshi, Hayakawashiroyama 4-2-14, anh H2 đã đưa tiền mặt cho chị Ch, anh C mượn 300 Man; Lần 2: Anh H2 nhờ người ở Việt Nam tên là Nguyễn Phạm Đăng Khoa chuyển vào tài khoản của chị Ch 100 Man (*quy đổi thành 174.743.000 đồng Việt Nam*); Lần 3: Anh H2 đã chuyển khoản và đưa tiền mặt tại Việt Nam cho chị Ch, anh C mượn 50 Man. Nay chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Võ Văn C có tranh chấp chia tài sản chung sau khi

ly hôn, anh H2 yêu cầu chị Ch, anh C phải trả nợ cho anh số tiền 945.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Thị X trình bày: Năm 2001, bà qua Nhật ở với con gái bà là chị Nguyễn Thị Kim Ch và chồng của chị Ch là anh Võ Văn C. Bà qua Nhật làm công, chăm sóc cho gia đình người Nhật và bà dành dụm được khoảng 280 Man Nhật tương đương 566.000.000đ tiền Việt Nam, con bà là chị Nguyễn Thị Kim Ch có mượn của bà số tiền này để mua nhà ở Việt Nam mà hiện nay là căn nhà 56 Đường N3, Tp Q đến nay chị Ch vẫn chưa trả. Nay chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Võ Văn C yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, bà yêu cầu chị Ch phải trả nợ cho bà số tiền đã mượn là 566.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi.

*Anh Châu Ngọc H3 trình bày:*Theo thông báo thụ lý vụ án, anh được biết chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Võ Văn C yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh yêu cầu chị Ch, anh C phải trả cho anh số tiền còn thiếu theo hợp đồng xây dựng nhà số 36/HĐ-XD về việc thi công xây dựng nhà tại 56 Đường N3, Tp Q là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*). Anh không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên hòa giải ngày 08/4/2021, giữa nguyên đơn, bị đơn và anh Châu Ngọc H3 thống nhất thỏa thuận nội dung: Anh C, chị Ch đồng ý thanh toán cho anh Châu Ngọc H3 số tiền 50.000.000đ còn nợ của hợp đồng xây dựng nhà số 36/HĐ-XD về việc thi công xây dựng nhà tại 56 Đường N3, Tp Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 37, 91, 94, 144, 147, 157, 165, 201 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 213, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, 34, 35 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị Kim Ch được sở hữu, sử dụng nhà và tài sản khác gắn liền với nhà đất số 56 đường N3, Tp.Q thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, địa chỉ : tổ 42, khu vực 6, phường L1, diện tích 51,17m^2 đã được UBND Tp.Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH00278 ngày 21/02/2012.

2. Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho anh Võ Văn C 5.157.030.000 (năm tỉ một trăm năm mươi bảy triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho anh Châu Ngọc H3 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hồ Văn H2 945.000.000 (chín trăm bốn mươi lăm triệu) đồng

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị X 566.000.000đ (năm trăm sáu mươi sáu triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi chậm thi hành án; về phần án phí, chi phí tố tụng về quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/10/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch là ông Hà Văn B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm về phần nợ chung và công sức bảo quản nhà đất số 56 đường N3, Tp.Q.

- Ngày 12/10/2022, bà Lê Thị X kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Hà Văn B và bà Lê Thị X không rút, thay đổi hoặc bổ sung nội dung kháng cáo; nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn B; chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị X và sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo hướng tính công sức cho bà X, sửa lại phần án phí sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, ông Hà Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ch cho rằng sau khi kháng cáo ông đã yêu cầu gia đình bà Chi (*bà X, bàH6 và bà Hương*) mời người bảo vệ quyền lợi, cung cấp các chứng cứ đối với số tiền chi phí xây dựng lại và mua nhà đất số 56 đường N3, phường L1, thành phố Q nhưng gia đình bà Chi không hợp tác, ủng hộ nên ngày 18/4/2023 ông Hà Văn B làm đơn xin xét xử vắng mặt. Nhưng người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, gồm: Anh Hồ Văn H2, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Châu Ngọc H3, bà Nguyễn Thị Diệu H5, bà Nguyễn Thị Diệu Ph, bà Nguyễn Thị Diệu H6 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị Kim Ch kết hôn vào ngày 12/01/2000; ly hôn vào ngày 18/4/2017 và khi ly hôn, anh C và chị Ch chưa giải quyết về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên anh Võ Văn C khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung; gồm:

- Nhà đất thửa số 110, tờ bản đồ số 13, tổng diện tích 51,17m^2 (*42,07m^2 + 9,1m^2*); địa chỉ số 56 đường N3, phường L1, thành phố Q.

- Khoản tiền mặt 960.456.050đ (*tính đến ngày 01/9/2016*) được gửi tại tài khoản số 0109800777 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á – chi nhánh Bình Định đứng tên chị Nguyễn Thị Kim Ch; nguồn gốc số tiền 960.456.050đ là do bán nhà đất tại số lô B1-54 tại Khu quy hoạch dân cư khu vực 2-6 phường N1, thành phố Q.

[3] Qúa trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim Ch cho rằng:

[3.1] Nguồn gốc nhà đất số 110, tờ bản đồ số 13, diện tích 42,07m^2; địa chỉ số 56 đường N3, phường L1, thành phố Q là do chị Ch và mẹ ruột của chị là bà Lê Thị X mua thông qua chị Nguyễn Thị Diệu H5 (*chị ruột của chị Ch*) vào ngày 10/8/2012. Sau khi mua, chị Ch và anh C có vay của anh Hồ Văn H2 số tiền 200 Man (*tương đương 450.000.000đ*) mua thêm hẻm đất liền kề có diện tích 9,1m^2 để nhập chung vào nhà 56 Đường N3.

Sau khi mua nhà đất số 56 đường N3; ngày 18/5/2015, chị Ch ký hợp đồng với anh Châu Ngọc H3 (*là Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD-TM NB*) xây dựng lại căn nhà 56 đường N3, với tổng giá trị hợp đồng là 1,8 tỉ đồng và quá trình thực hiện hợp đồng, chị Ch đã thanh toán cho anh Châu Ngọc H3 1.750.000.000đ (*còn nợ anh H3 50.000.000đ*).

Số tiền 1.750.000.000đ đã thanh toán cho anh Châu Ngọc H3 chị Ch khai vay của chị Nguyễn Thị Diệu T1 100.000.000đ, chị Nguyễn Thị Diệu H6 100.000.000đ, Chị Vân 110.000.000đ (*ở bên Nhật*), vay ngân hàng 100.000.000đ, bà Lê Thị X (*mẹ ruột*) 566.000.000đ, anh Hồ H2 174.000.000đ, mẹ anh C 200.000.000đ và anh Võ Văn C vay ngân hàng bên Nhật Bản 400.000.000đ. Vì vậy, trong giá trị nhà đất số 56 đường N3, anh C chỉ góp 400.000.000đ, còn lại là tiền của chị Ch và gia đình chị Ch. Cho nên, nhà đất số 56 đường N3 là tài sản riêng của chị Ch.

[3.2] Đối với số tiền 960.456.050đ: Chị Ch thừa nhận nguồn gốc số tiền 1.150.000.000đ là do bán nhà đất của vợ chồng tại lô B1-54 tại Khu quy hoạch dân cư khu vực 2-6 phường N1, thành phố Q như lời khai của anh Võ Văn C và số tiền chênh lệch 10.456.050đ là tiền do chị Ch mua bán online mà có. Tổng cọng 1.160. 456.050đ; số tiền 1.160. 456.050đ chị Ch đã trả nợ (*mượn xây dựng nhà 56 đường N3*) cho mẹ anh C 200.000.000đ; số tiền còn lại 960.456.050đ mà anh Võ Văn C yêu cầu, chị và anh C đã chi tiêu chung trong gia đình bao gồm: chi tiền thuê nhà ở Nhật, chi phí nuôi con chung nên hiện nay không còn.

Ngoài ra, chị Ch còn cho rằng: Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung vợ chồng chị thì phải trả hết các khoản nợ chung, sau đó mới chia tài sản.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo:

[4.1] Về số tiền nợ vay theo lời khai của chị Ch:

Chị Ch khai nhận nợ vay của anh H2 945.000.000đ, bà X 566.000.000đ, bà Thu 100.000.000đ, bà H6 100.000.000đ như lời khai của anh Hồ Văn H2, bà Lê Thị X, chị Nguyễn Thị Diệu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu H6. Tuy nhiên, việc vay tiền của chị Ch nêu trên không được anh C chấp nhận; chị Ch không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền vay nêu trên là số tiền vay của vợ chồng hoặc vay để dùng vào mục đích chung. Ngoài lời khai nhận nợ vay của chị Ch thì anh Hồ Văn H2, bà Lê Thị X, chị Nguyễn Thị Diệu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu H6 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho chị Ch và anh C cùng mượn tiền nên không có cơ sở để chấp nhận số nợ trên là nợ chung của chị Ch và anh C trong thời kỳ hôn nhân.

Chị Ch thừa nhận vay tiền của anh H2, bà X và anh H2, bà X có yêu cầu trả nợ; anh C và chị Ch thống nhất thừa nhận nợ anh Châu Ngọc H3 số tiền 50.000.000đ, về việc xây dựng lại nhà số 56 đường N3. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Ch trả nợ cho anh Hồ Văn H2, bà Lê Thị X; anh C cùng chị Ch trả nợ cho anh Châu Ngọc H3 là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định về việc chị Nguyễn Thị Diệu T1 và chị Nguyễn Thị Diệu H6 không nộp tạm ứng án phí về yêu cầu anh C và chị Ch trả nợ nên không giải quyết yêu cầu của chị T1 và chị H6; nợ chị T1 và chị H6 sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu là đúng quy định của Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Về nhà đất số 56 đường N3, phường L1, thành phố Q:

- Theo các chứng cứ có tại hồ sơ vu án, cho thấy nhà đất số 56 đường N3 do chị Nguyễn Thị Diệu H5 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trần Đình Tùng, bà Phạm Thị Kim Liên vào ngày 15/6/2012, với giá tiền là 2.500.000.000đ. Tuy

nhiên, chị Nguyễn Thị Diệu H5 chỉ là người đứng tên trên thủ tục giấy tờ và không bỏ tiền để mua. Chị Ch và bà X cho rằng số tiền 2.500.000.000đ mua nhà là tiền của chị Ch, bà X nhưng không được anh C chấp nhận; ông Tùng và bà Liên khai chuyển nhượng cho anh C và chị Ch; chị Ch, bà X không có chứng cứ để chứng minh; đồng thời theo lời khai của chị Ch về việc bà X cùng chị Ch mua chung nhà đất số 56 đường N3 nhưng bà X không tham gia việc mua thêm hẻm đất liền kề có diện tích 9,1m^2 để nhập chung vào nhà số 56 Đường N3 là không phù hợp. Hơn nữa, sau khi chị H5 được Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q chỉnh lý biến động đứng tên chị Nguyễn Thị Diệu H5 (*ngày 10/8/2012*) thì chị H5 sang tên lại cho chị Ch vào ngày 04/3/2013 và chị Ch đứng tên chủ sở hữu nhà và đất số 56 đường N3 vào ngày 29/3/2013, còn đang trong hời kỳ hôn nhân. Do đó, không có cơ sở xác định số tiền nhận chuyển nhượng nhà và đất số 56 đường N3 là tài sản riêng của chị Ch trong thời kỳ hôn nhân.

- Đối với số tiền 470.000.000đ mua thêm hẻm đất liền kề có diện tích 9,1m^2 để nhập chung vào nhà số 56 Đường N3 theo Quyết định số 8471/QĐ-UBND của UBND thành phố Q ngày 04/12/2015: Anh Võ Văn C cho rằng số tiền 470.000.000đ là số tiền chung của anh C và chị Ch có được; chị Ch cho rằng đây là số tiền chị Ch vay 200 Man (*tương đương 450.000.000đ*) của anh Hồ Văn H2 nhưng chị Ch không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh chị và anh C mượn tiền anh H2. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án; chị Ch và đại diện theo ủy quyền của chị Ch có những lời khai bất nhất, có lời khai khai vay của anh H2 như đã nêu trên, có lời khai khai số tiền 470.000.000đ được trích ra từ tiền nhà đất của vợ chồng tại lô B1-54 tại Khu quy hoạch dân cư khu vực 2-6 phường N1 N1 và lời khai này cũng không phù hợp với thời điểm bán nhà đất tại lô B1-54 (*23/6/2016*); chị Nguyễn Thị Diệu T1 (*chị ruột của chị Ch*) khai số tiền 470.000.000đ, chị Ch mượn của anh em trong gia đình. Vì vậy, lời khai của chị Ch không thể tin cậy và có cơ sở xác định số tiền 470.000.000đ mua thêm hẻm đất liền kề có diện tích 9,1m^2 là số tiền chung của anh C và chị Ch trong thời kỳ hôn nhân.

- Về số tiền xây dựng lại nhà số 56 Đường N3: Căn cứ vào Hợp đồng xây dựng số 36/HĐ-XD ngày 18/5/2015, cho thấy anh C là người ký hợp đồng với ông Châu Ngọc H3 (*Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thiết kế XD-TM NB*) xây dựng lại nhà 56 Đường N3 và các lần nhận tiền của anh H3 đều được anh H3 xác nhận tại Hợp đồng xây dựng số 36/HĐ-XD ngày 18/5/2015; trong quá trình giải quyết vụ án, Anh H3 khai đã nhận tiền nhiều lần từ chị Nguyễn Thị Diệu Ph và Võ Văn C (*tổng cộng 1.750.000.000đ*). Đồng thời, như đã nhận đinh trên [3.1]; không có căn cứ xác định chị Ch vay của chị Nguyễn Thị Diệu T1, chị Nguyễn Thị Diệu H6, Chị Vân, anh Hồ H2; của bà Lê Thị X để dùng vào việc xây dựng lại nhà số 56

Đường N3. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền xây nhà đã thanh toán cho ông Châu Ngọc H3 là số tiền chung trong thời kỳ hôn nhân.

Từ các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất số 56 Đường N3 là tài sản chung của anh Võ Văn C và chị Nguyễn Thị Kim Ch là có căn cứ và đúng quy định của Điều 33 và Điều 34 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về số tiền 950.000.000đ: Anh C và chị Ch thống nhất nguồn gốc của số tiền 950.000.000đ đang tranh chấp là từ số tiền 1.150.000.000đ bán nhà đất chung của vợ chồng tại Khu quy hoạch dân cư khu vực 2-6 phường N1, thành phố Q còn lại sau khi trả cho mẹ anh C 200.000.000đ.

Anh C yêu cầu được nhận 475.000.000đ (*950.000.000đ: 2*). Chị Ch không đồng ý và cho rằng số tiền 950.000.000đ, chị Ch đã chi tiêu vào mục đích chung của gia đình (*thuê nhà ở Nhật, chi phí nuôi con chung…*) nhưng anh C không chấp nhận; chị Ch không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai là có căn cứ. Mặt khác, ngay sau khi chị Ch nộp số tiền còn lại 950.000.000đ (*sau khi trả nợ*) vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á ngày 23.6.2016 thì ngày 24/6/2016 chị Ch đã rút toàn bộ tiền ra khỏi Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á để chi tiêu như lời khai của chị Ch là không hợp lý và việc chị Ch rút tiền, anh C không biết. Do đó, chị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh C 475.000.000đ như Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định là đúng pháp luật.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà đất 56 Đường N3 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, có công sức ngang nhau nên mỗi người được nhận ½ giá trị và xét điều kiện, nơi ở và công sức quản lý; Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà đất tại 56 Đường N3, Tp.Q cho chị Ch sở hữu, sử dụng và chị Ch có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị nhà, đất số 56 Đường N3 cho anh C là phù hợp.

[7] Chị Nguyễn Thị Diệu H5 giao dịch và thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng nhà đất số 56 Đường N3 nên có công sức làm tăng giá trị quyền sử dụng nhà đất nhưng bà Chi không có yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch và anh Võ Văn C sau khi mua nhà đất số 56 Đường N3 đã giao cho bà Lê Thị X quản lý, gìn giữ, trông nom là đã có công sức quản lý, giữ gìn, làm tăng giá trị tài sản; bà X không yêu cầu tính công sức là do bà X cho rằng nhà đất số 56 Đường N3 là tài sản của bà X và yêu cầu của bà X xác định quyền lợi này là lớn hơn yêu cầu tính công sức nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét công sức của bà Lê Thị X là không đúng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm tính công sức cho bà X số tiền tương đương với tỉ lệ 10% đến 12% giá trị nhà đất số 56 Đường N3 như đề nghị của đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm.

[8] Từ các nhận định nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn B; chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X và sửa bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Chi phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bà X được chấp nhận nên bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa phần án phí sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu theo quy định tại điểm e khoản 5 và khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo kháng cáo của ông Hà Văn B. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị X và sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 213, 219 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, 34, 35 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; xử:

1. Giao cho chị Nguyễn Thị Kim Ch được quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với nhà đất số 56 đường N3, Tp.Q thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, địa chỉ: tổ 42, khu vực 6, phường L1, diện tích 51,17m^2 đã được UBND Tp.Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH00278 ngày 21/02/2012.

2. Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán giá trị công sức cho bà Lê Thị X 1.314.060.000 (*một tỷ ba trăm mười bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn*) đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho anh Võ Văn C 4.500.000.000 (*bốn tỉ năm trăm triệu*) đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho anh Châu Ngọc H3 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hồ Văn H2 945.000.000 (*chín trăm bốn mươi lăm triệu*) đồng

Chị Nguyễn Thị Kim Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị X 566.000.000đ (*năm trăm sáu mươi sáu triệu*) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0243 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (*do ông Hà Văn B nộp thay*).

Bà Lê Thị X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Võ Văn C phải chịu 112.500.000 (*một trăm mười hai triệu năm trăm ngàn*) đồng; được trừ vào số tiền 21.000.000đ (*hai mươi mốt triệu*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003621 ngày 26/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Chị Nguyễn Thị Kim Ch phải chịu 112.500.000 đồng + 57.330.000 đồng. Tổng cộng: 169.830.000 (*một trăm sáu mươi chín triệu tám trăm ba mươi ngàn*) đồng.

5. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho anh H2, anh H3, về lãi chậm thi hành án, về chi phí tố tụng và về quyền, nghĩa vụ thi hành án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Phước Thanh